CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương

Ngày 30/09/2025	11,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-1.8%**	**-1.8%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,700 - 20,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	185
Số lượng CPLH (CP)	16,493,172
KLGD BQ 20 phiên (CP)	175
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.23
EPS	1,506
P/E	7.4

DT thuần
Q3/25
175
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 68.0| 63.3%
YoY: ▲ 96.1| 121%

LN thuần
Q3/25
8.46
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.61| 74.4%
YoY: ▼0.29| -3.3%

LN sau thuế
Q3/25
6.90
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.31| 23.5%
YoY: ▼0.37| -5.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
7.2%
YoY: +/-▼ 0.2%

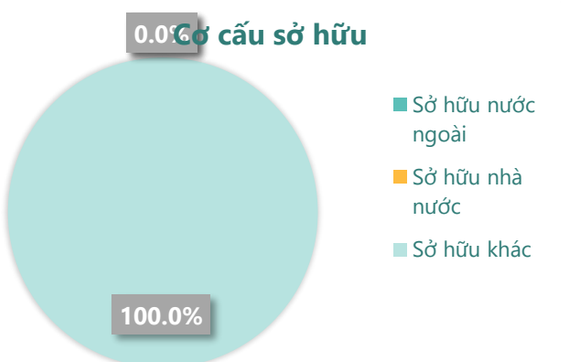
ROE (TTM)
Q3/25
11.1%
YoY: +/-▼ 0.5%

DT thuần
9T 2025
353
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 117| 49.5%

LN thuần
9T 2025
20.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.10| 17.7%

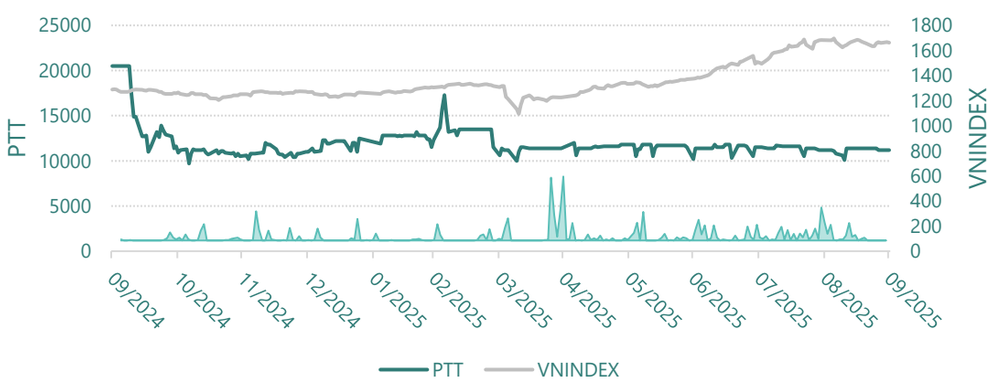
LN sau thuế
9T 2025
18.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.30| 2.1%

Cơ cấu sở hữu

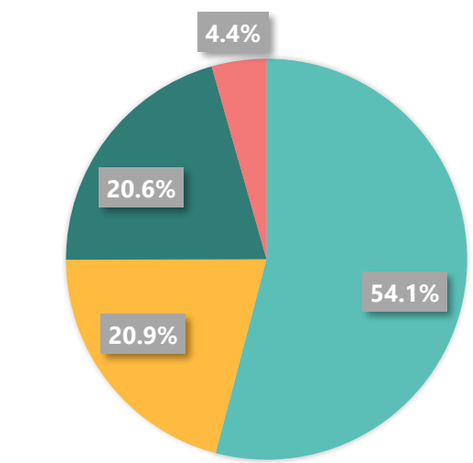


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

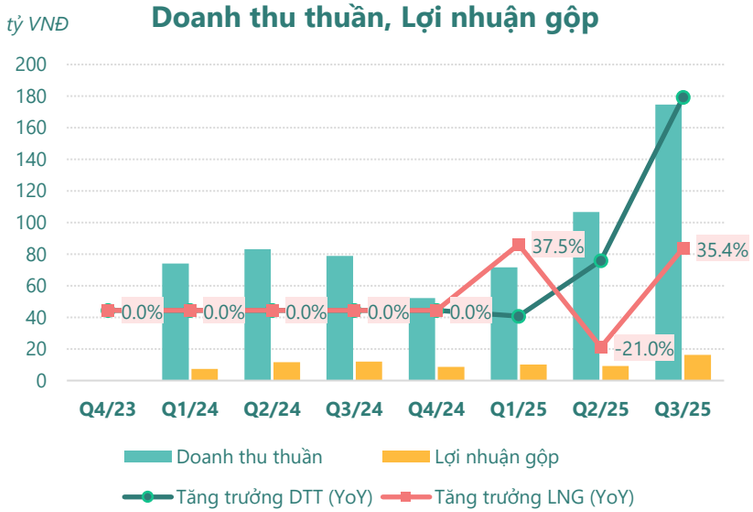


Tổng CTCP Vận tải Dầu khí
Nguyễn Hồng Hiệp
Công ty TNHH Vận tải biển Châu Á Thái Bình Dương
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

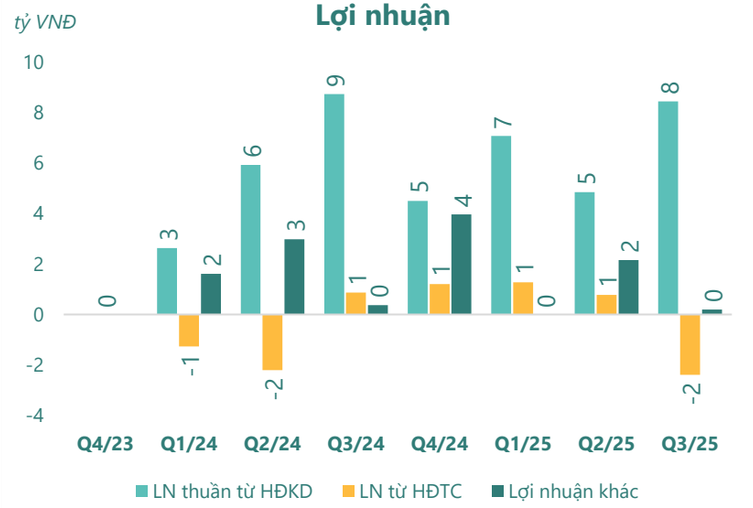
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



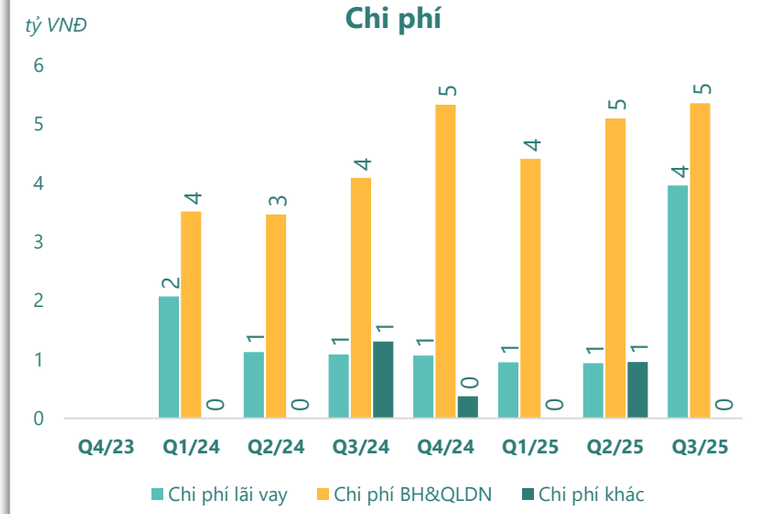
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



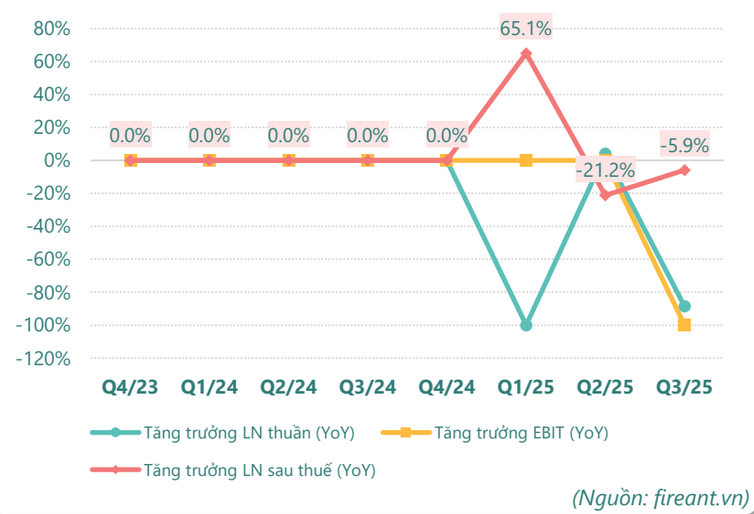
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



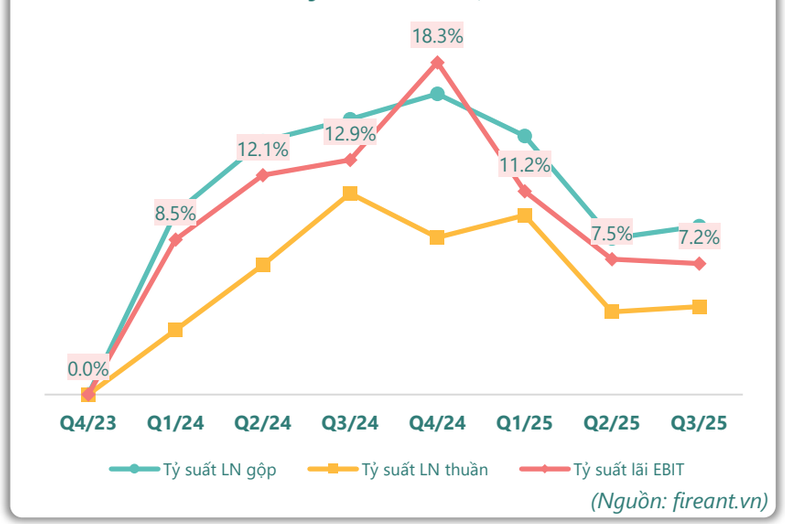
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



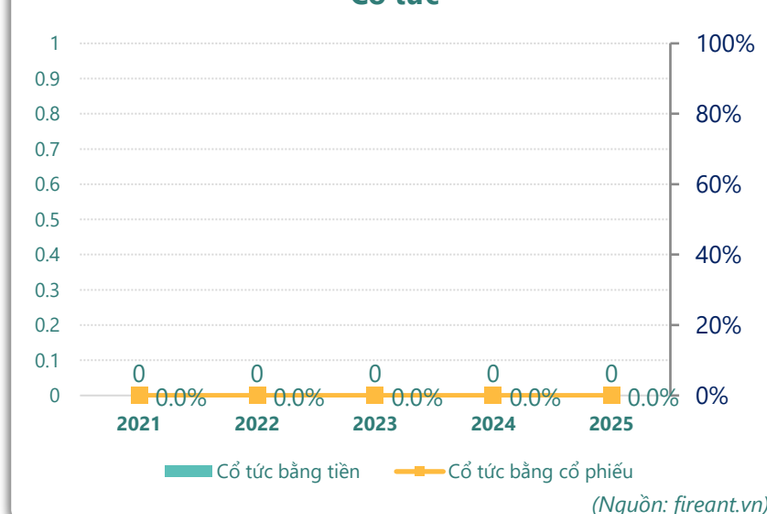
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

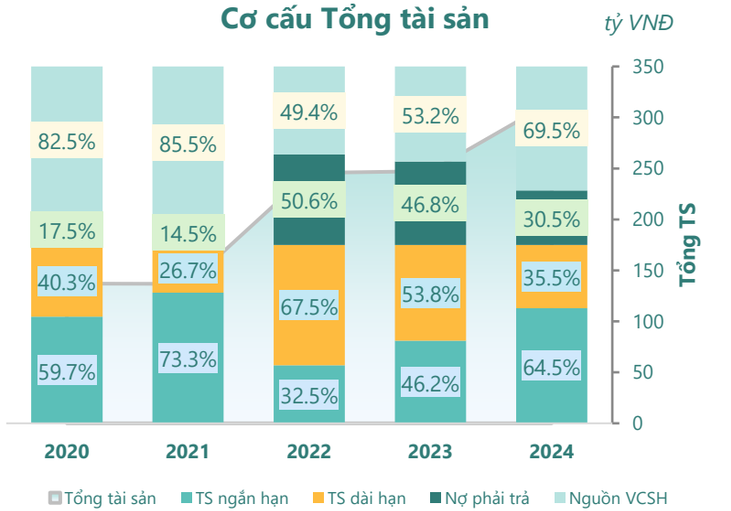
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

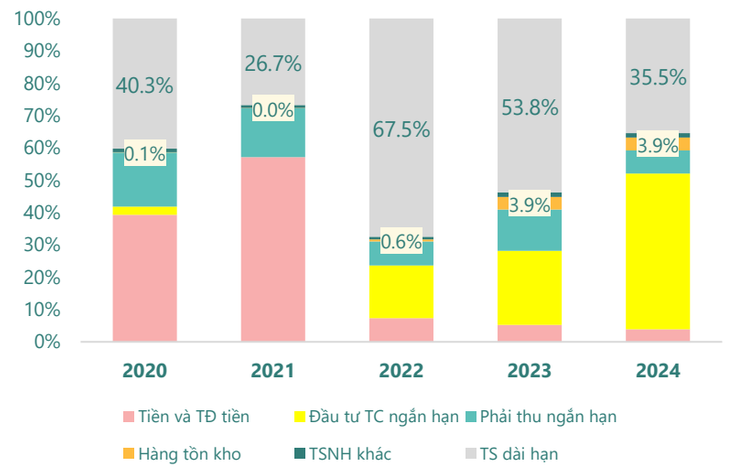
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



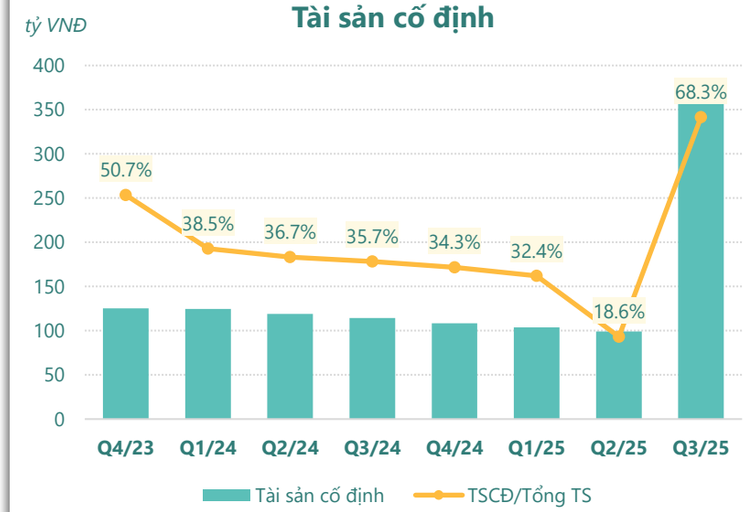
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



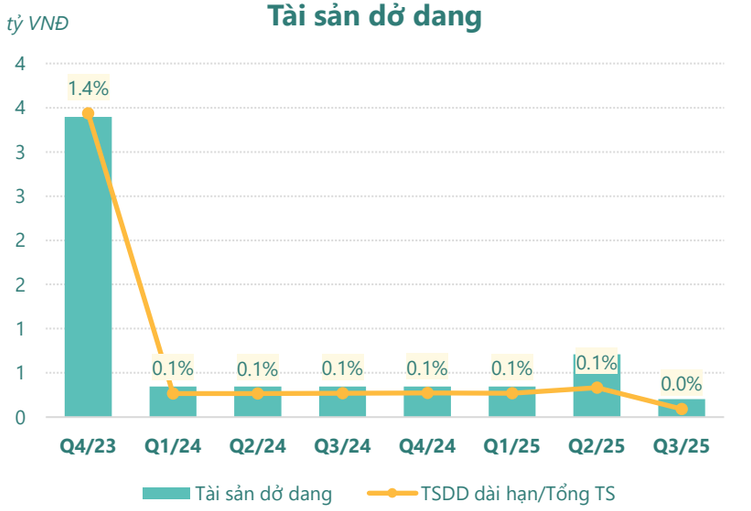
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



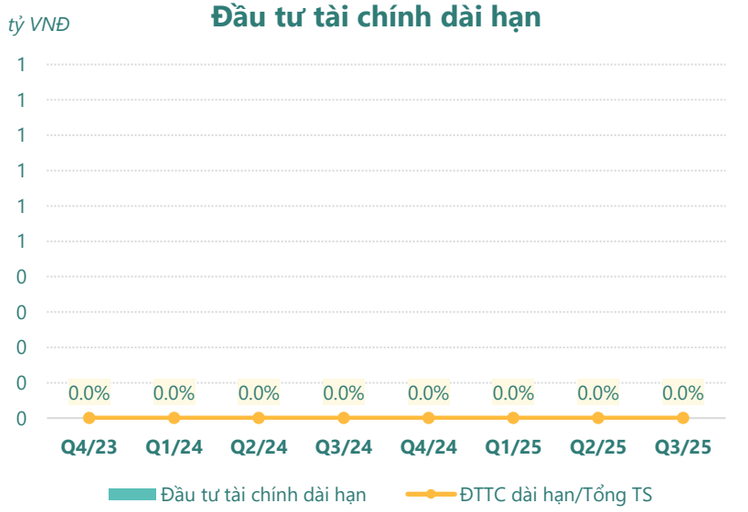
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



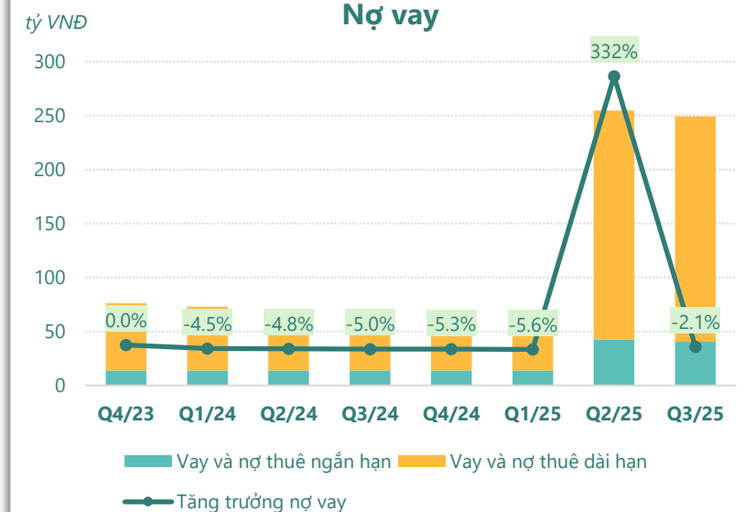
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

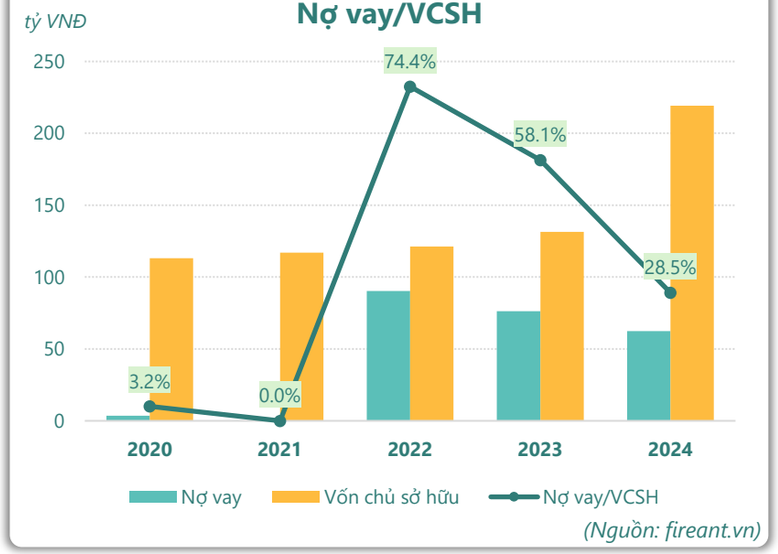
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

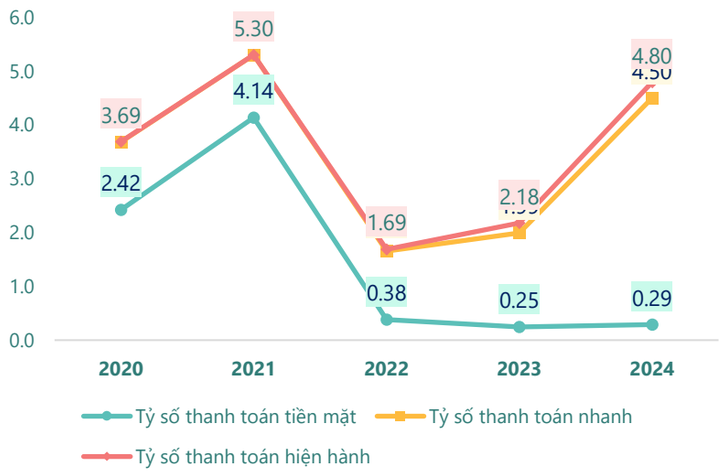
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



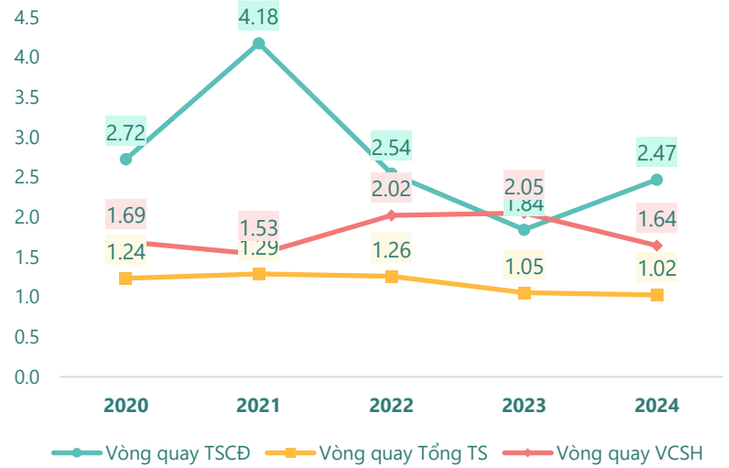
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



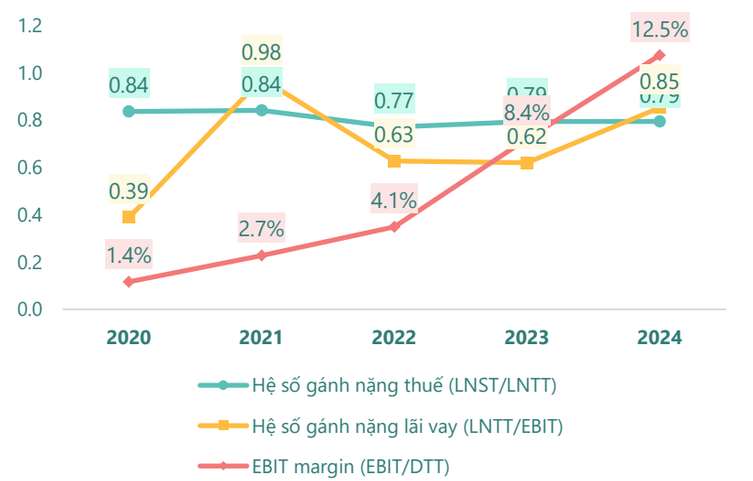
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



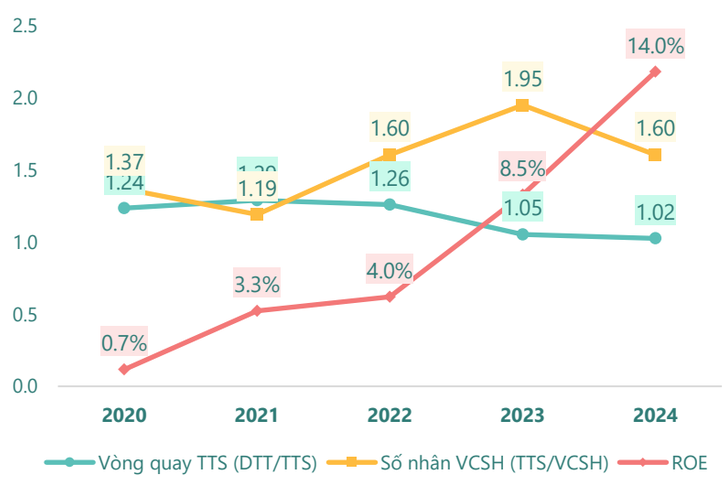
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



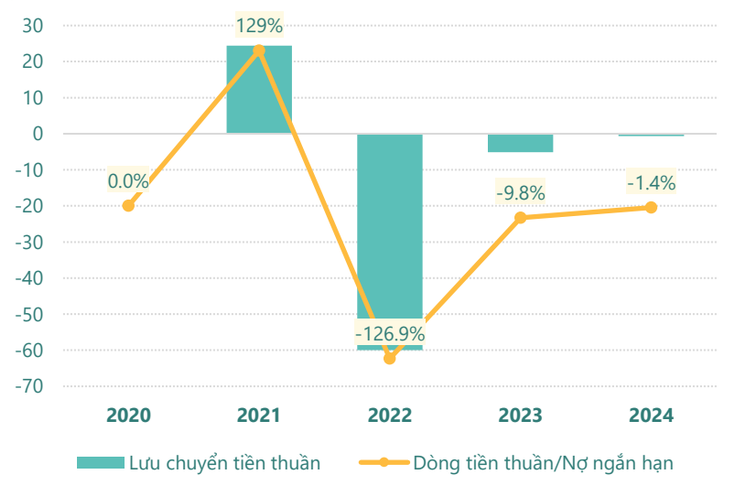
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**175**	**78.9**	**121%**	**353**	**236**	**49.5%**
Giá vốn hàng bán	158	67.0	137%	317	205	54.7%
Lợi nhuận gộp	16.2	12.0	35.1%	35.6	31.0	14.8%
Doanh thu HĐTC	1.59	2.01	-20.8%	5.62	5.24	7.3%
Chi phí TC	3.98	1.14	249%	5.95	7.85	-24.2%
Chi phí lãi vay	3.96	1.09	263%	5.85	4.29	36.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**5.36**	**4.09**	**31.0%**	**14.9**	**11.1**	**34.3%**
LN thuần từ HĐKD	8.46	8.75	-3.3%	20.4	17.3	17.7%
Lợi nhuận khác	**0.19**	**0.38**	**-49.5%**	**2.35**	**4.98**	**-52.8%**
LN trước thuế	8.65	9.13	-5.3%	22.7	22.3	2.0%
Lợi nhuận sau thuế	**6.90**	**7.27**	**-5.0%**	**18.1**	**17.8**	**2.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.90**	**7.27**	**-5.0%**	**18.1**	**17.8**	**2.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.54	13.5	-11.8	3.26	-0.48	12.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-69.6	-13.2	10.4	2.01	-195	-15.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.66	-3.47	-3.47	-3.47	196	-5.47
Tiền đầu kỳ	85.0	20.3	17.2	12.3	14.1	14.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-64.7**	**-3.14**	**-4.80**	**1.79**	**0.64**	**-8.11**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20.3	17.2	12.3	14.1	14.8	6.67

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**551**	**315**	**74.8%**
Tài sản ngắn hạn	171	204	-16.0%
Tiền và tương đương tiền	6.67	12.3	-46.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	77.3	152	-49.1%
Phải thu ngắn hạn	67.9	22.5	201%
Hàng tồn kho	12.8	12.4	3.0%
Tài sản ngắn hạn khác	6.28	4.32	45.5%
Tài sản dài hạn	**381**	**112**	**240%**
Phải thu dài hạn	3.63	3.27	10.9%
Tài sản cố định	377	108	248%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.20	0.35	-41.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.01**	**0.02**	**-34.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	318	96.3	230%
Nợ ngắn hạn	**108**	**42.4**	**154%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	40.4	13.9	191%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.2	17.0	54.0%
Nợ dài hạn	210	53.8	290%
Vay và nợ thuê dài hạn	209	48.6	330%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**234**	**219**	**6.6%**
Vốn chủ sở hữu	**234**	**219**	**6.6%**
Vốn điều lệ	165	165	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)